

Từ vựng Appliances

Từ vựng	Nghĩa	Chép lại từ 3 lần		
Camera				
CD				
Cell phone				
Clock				
Computer				
Cooker				
Digital camera				
DVD				

Electric				
Electricity				
Fridge				
Gas				
Heating				
Lamp				
Laptop				
Lights				
Mobil				
MP3 player				

Oven				
PC				
Phone				
Radio				
Telephone				
Television				
Video				
Washing machine				